

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vi Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Thanh Cầm

2. Bà Đặng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 05/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn T.** Sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi ở hiện nay: Tầng A, nhà số D, ngõ Y, thị trấn T, tỉnh Méo Ly, Đ, Đài Loan. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị **Mai Thùy G.** Sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 15/5/2023, nguyên đơn anh **Lê Văn T** trình bày:

**** Về quan hệ hôn nhân:***

Anh và chị Mai Thùy G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn, được tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 14/02/2008.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Lê Hà V, sinh ngày 04/9/2011. Năm 2018 anh sang Đài Loan sinh sống và làm việc thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do sống xa cách. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cùng can thiệp nhưng vẫn không thể hòa giải được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xem xét chấp nhận cho anh được ly hôn với chị Mai Thùy G

** Về con chung:*

Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị G có 01 con chung là cháu Lê Hà V, sinh ngày 04/9/2011. Hiện nay cháu Lê Hà V đang sinh sống cùng mẹ.

Khi ly hôn, do đang sống và làm việc tại nước ngoài nên anh nhất trí cho chị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lê Hà V cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và chị G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án:*

Hiện nay, anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, do tính chất công việc và nơi sinh sống nên anh không thể về Việt Nam để trực tiếp tham gia quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, anh đề nghị:

- Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

- Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án.

- Ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn nộp hồ sơ li hôn, nộp án phí, lệ phí, nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2023, bị đơn chị Mai Thùy G trình bày:

** Về quan hệ hôn nhân:*

Chị và anh Lê Văn T kết hôn ngày 14/02/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đúng như anh T trình bày.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Lê Hà V, sinh ngày 04/9/2011. Năm 2018 anh T sang Đài Loan sinh sống và làm việc thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do sống xa cách. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cùng can thiệp nhưng vẫn không thể hòa giải được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn. Chị nhất trí.

** Về con chung:*

Chị và anh T có 01 con chung là cháu Lê Hà V, sinh ngày 04/9/2011. Hiện nay cháu Lê Hà V đang sinh sống cùng chị tại tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nay chị và anh T ly hôn, do anh T đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên chị nhất trí với ý kiến của anh T, yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hà V cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T có quyền được thăm nom, gặp gỡ con chung, chị không ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Mặc dù nghề nghiệp của chị là lao động tự do nhưng chị có chỗ ở và thu nhập ổn định nên chị nhất trí với ý kiến của anh T là chị và anh T tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về tài sản chung và nợ chung:*

Nhất trí với ý kiến của anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T về quan hệ hôn nhân, con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung chị hoàn toàn nhất trí. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn T

Do anh T đang ở nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, chị cũng đã có ý kiến nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của anh T nên chị đề nghị Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại

Thông báo thụ lý vụ án, không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, .

Tại Biên bản làm việc ngày 28/6/2023, con chung là cháu Lê Hà V trình bày:

Cháu Lê Hà V là con chung của anh Lê Văn T và chị Mai Thùy G. Hiện nay, bố cháu là anh T đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Mai Thùy G và bố mẹ tự thỏa thuận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại Biên bản làm việc, Anh Nguyễn Ngọc S, địa chỉ: Tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn trình bày:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Lê Văn T ngày 15/5/2023 có xác nhận của Văn phòng Kinh tế, Văn hóa Việt Nam tại Đ, Đài Loan anh T đã ủy quyền cho anh nộp hồ sơ li hôn, nộp án phí, lệ phí, nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án, anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến của anh Thành A sẽ có trách nhiệm nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và gửi hoặc thông báo lại nội dung của các văn bản cho anh Lê Văn T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của những người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh T và chị G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2018 hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do sống xa cách. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cùng can thiệp nhưng vẫn không thể hòa giải được. Như vậy có thể xác định, từ 2018 anh T và chị G đã không còn sống chung như vợ chồng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

Về con chung: Anh T và chị G có 01 con chung là cháu Lê Hà V, sinh ngày 04/9/2011, cháu V khỏe mạnh và phát triển bình thường, chị G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu V, bản thân cháu V cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu ở với mẹ. Xét thấy, từ ngày anh T sinh sống, làm việc tại

Đài Loan, cháu V đã ở với mẹ được mẹ quan tâm, chăm sóc, hơn nữa mẹ cháu có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu V theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu V cho chị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn, nguyên đơn trước khi sinh sống và làm việc tại nước ngoài cư trú tại tỉnh Bắc Kạn, hiện nay nguyên đơn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy có đủ căn cứ xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại các Điều 28, 37, 39, 469/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- *Về sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử:* Hiện nay nguyên đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt được Văn phòng Kinh tế, Văn hóa Việt Nam tại Đ, Đài Loan chứng thực đồng thời nguyên đơn cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ theo yêu cầu, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án:* Anh Lê Văn T ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc S nộp hồ sơ li hôn, nộp án phí, lệ phí, nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án, anh S nhất trí với ý kiến của anh T và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung nhận ủy quyền. Do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S theo quy định tại Điều 474/Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thời hạn giải quyết vụ án:* Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/5/2023, anh Lê Văn T đề nghị Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án chị Mai Thùy G có ý kiến: Hiện nay anh T và chị G đều nhất trí ly hôn, đã thống nhất được việc nuôi con chung; tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung và đề nghị Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án. Do vậy, việc Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy:

Anh Lê Văn T và chị Mai Thùy G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 14/02/2008. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa anh Lê Văn T và chị Mai Thùy G là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Sau khi kết hôn, anh T, chị G chung sống hạnh phúc và có một con chung là cháu Lê Hà V, sinh ngày 04/9/2011. Năm 2018, anh T sang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, từ đó vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và do sống xa cách. Mặc dù cả hai bên đã rất cố gắng, nỗ lực, hai gia đình cùng can thiệp nhưng vẫn không thể hòa giải được. Như vậy có thể xác định, từ 2018 anh T và chị G đã không còn sống chung như vợ chồng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình trạng hôn nhân đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả anh T và chị G đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T có yêu cầu ly hôn, chị G nhất trí ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56/Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T, xử cho anh T được ly hôn với chị Mai Thùy G.

[3.2] Về con chung:

Chị G và anh T có 01 con chung là cháu Lê Hà V, sinh ngày 04/9/2011. Hiện nay cháu Lê Hà V đang sinh sống cùng mẹ tại địa chỉ: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Khi ly hôn, chị G yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, bản thân cháu V cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ. Anh T nhất trí với yêu cầu của chị G, chị G là lao động tự do có thu nhập trung bình 7 triệu đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của bị

đơn và ý kiến của nguyên đơn về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với thực tế bởi chị G hiện đang sinh sống tại Việt Nam, có việc làm, thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Hà V là được sống cùng mẹ, hơn nữa từ ngày anh T sinh sống, làm việc tại Đài Loan, cháu V đã ở với mẹ được mẹ quan tâm, chăm sóc, đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu V, còn anh T đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do vậy căn cứ Điều 81/Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G về việc được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Hà V cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Theo quy định tại Điều 82/Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị G đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Văn T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, khoản 5 Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn T cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn với chị Mai Thùy G.
2. Về con chung: Giao con chung Lê Hà V, sinh ngày 04/9/2011 cho chị M Thùy Giang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000032 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Đương sự;
- UBND TT Bằng Lũng;
- Lưu Tổ HCTP;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai